

Số: /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm;
cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật Giá số 16/2023/QH15, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT, Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất khi thực hiện các biện pháp lâm sinh gồm: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng tự nhiên; Cải tạo rừng tự nhiên; Trồng rừng mới, trồng lại rừng; chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT quy định về các biện pháp lâm sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 22/2023/TT

BNNPTNT, Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT phù hợp điều kiện sinh thái, cơ cấu loài cây và yêu cầu quản lý rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư khi thực hiện chương trình, dự án, công trình, nhiệm vụ có áp dụng biện pháp lâm sinh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất

1. Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, loài cây sinh trưởng chậm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp loài cây chưa được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này, cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế công trình lâm sinh xem xét, chấp thuận trong từng hồ sơ thiết kế cụ thể, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Quy định này không áp dụng đối với loài nguy cấp, quý, hiếm và loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; việc quản lý, sử dụng các loài này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc xem xét, chấp thuận quy định tại khoản 3 Điều này không thay thế hoặc mở rộng danh mục loài cây ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này;

b) Theo dõi, tổng hợp tình hình áp dụng danh mục loài cây trong thực tiễn;

c) Trên cơ sở kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung danh mục loài cây khi cần thiết.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; chủ đầu tư công trình lâm sinh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp lâm sinh theo đúng danh mục loài cây quy định tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm về việc đề xuất, lựa chọn loài cây trong hồ sơ thiết kế công trình lâm sinh theo quy định.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Công trình lâm sinh đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ đã được phê duyệt.

2. Công trình lâm sinh đã được thẩm định nhưng chưa phê duyệt hoặc hồ sơ đã nộp nhưng chưa được thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ Danh mục tại số thứ tự 12 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, SNNMT, 3b.

(Báo cáo)

Phụ lục I
DANH MỤC LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH, CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus hybrid</i>
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>
3	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>
4	Cao su	<i>Hevea brasiliensis</i>
5	Hông	<i>Paulownia fortunei</i>
6	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>
7	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>
8	Keo lười liềm	<i>Acacia crassicarpa</i>
9	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>
10	Sua	<i>Dalbergia tonkinensis</i>
11	Tếch	<i>Tectona grandis</i>
12	Tổng quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>
13	Tràm hương	<i>Aquilaria crassna</i>
14	Trầu	<i>Vernicia motana</i>
15	Xoan đào	<i>Pygeum arboreum</i>
16	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>

II. CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i>
2	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>
3	Hồi	<i>Illicium verum</i>
4	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>
5	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>
6	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>
7	Mỡ	<i>Manglietia conifera</i>

TT	Loài cây	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học
8	Quế	<i>Cinamomum cassia</i>
9	Sa mộc	<i>Cunninghamia lanceolata</i>
10	Sấu	<i>Dracontomelum duperreanum</i>
11	Sơn tra	<i>Docynia indica</i>
12	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>
13	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i>
14	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>
15	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>
16	Trám trắng	<i>Canarium album</i>

Phụ lục II
DANH MỤC CÂY MỤC ĐÍCH, CÂY PHI MỤC ĐÍCH ĐỐI VỚI RỪNG PHÒNG HỘ
VÀ RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

I. CÂY MỤC ĐÍCH

TT	Loại cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
1	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus hybrid</i>		X
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i>		X
3	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>	X	X
4	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	X	X
5	Bồ đề	<i>Styrax tonkinensis</i>		X
6	Bời lời	<i>Litsea cubeba</i>	X	X
7	Bứa	<i>Garcinia obolongiflia</i>	X	X
8	Cáng lò	<i>Betula alnoides</i>	X	X
9	Cao su	<i>Hevea brasiliensis</i>		X
10	Chè Shan	<i>Camellia sinensis</i>	X	X
11	Chẹo tía	<i>Engelhardtia roxburghiana</i>	X	X
12	Chò chỉ	<i>Parashorea chinensis</i>	X	X
13	Chò đái	<i>Annamocarya sinensis</i>	X	X
14	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i>	X	X
15	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i>	X	X
16	Cọ phèn	<i>Protium serratum</i>	X	X
17	Đa búp đỏ	<i>Ficus elastica</i>	X	
18	Dạ nâu	<i>Chaetocarpus castanocarpus</i>	X	
19	Dâu da	<i>Baccaurea ramiflora</i>	X	X
20	Dâu vàng	<i>Baccaurea sapida</i>	X	X
21	Dẻ ăn quả	<i>Castanopsis boisii</i>	X	X
22	Dẻ gai ấn độ	<i>Castanopsis indica</i>	X	X
23	Dẻ gai lá dày	<i>Castanopsis crassifolia</i>	X	X
24	Đinh	<i>Markhamia stipulata</i>	X	X
25	Đinh vàng	<i>Fernandoa collignonii</i>	X	X
26	Đỏ ngọn	<i>Cratoxylon prunifolium</i>		X
27	Dọc	<i>Garcinia multiflora</i>		X
28	Duối	<i>Streblus asper</i>		X
29	Dương	<i>Broussonetia papyrifera</i>		X
30	Gáo	<i>Anthocephalus indicus</i>	X	X
31	Gạo	<i>Bombax ceiba</i>		X
32	Gáo vàng	<i>Nauclea orientalis</i>	X	X

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
33	Gió bầu	<i>Aquilaria crassna</i>		X
34	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i>	X	X
35	Giổi bà	<i>Michelia balansae</i>	X	X
36	Giổi găng	<i>Paramichelia baillonii</i>	X	X
37	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i>	X	X
38	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i>	X	X
39	Gội núi	<i>Aglaia globosus</i>	X	X
40	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>	X	X
41	Gụ mật	<i>Sindora siamensis</i>	X	X
42	Hôi	<i>Illicium verum</i>		X
43	Hông	<i>Paulownia fortunei</i>		X
44	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i>		X
45	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>		X
46	Keo luõi liềm	<i>Acacia crassicarpa</i>		X
47	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i>		X
48	Kháo	<i>Machilus odoratissima</i>	X	X
49	Kim giao	<i>Podocarpus fleuryi</i>	X	X
50	Lá nén	<i>Macaranga sampsonii</i>		X
51	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i>	X	X
52	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>	X	X
53	Lim xẹt	<i>Peltophorum dasyrrhachis var. tonkinense</i>	X	X
54	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i>	X	X
55	Mắc ca	<i>Macadamia integrifolia</i>	X	X
56	Mán đĩa	<i>Archidendron clypearia</i>		X
57	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i>		X
58	Me	<i>Tamarindus indica</i>	X	
59	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i>	X	
60	Mỡ	<i>Manglietia conifera</i>	X	X
61	Móng bò sọc	<i>Banhinia variegata</i>		X
62	Móng bò tím	<i>Bauhinia purpurea</i>		X
63	Mun	<i>Diospyros mun</i>	X	X
64	Muồng xanh	<i>Albizia procera</i>		X
65	Ngát	<i>Gironniera subaequalis</i>	X	X
66	Nghiến	<i>Burretiodendron hsienmu</i>	X	X
67	Nhội	<i>Bischofia trifoliata</i>	X	X
68	Phân mã	<i>Archidendron balansae</i>	X	X
69	Phay sừng	<i>Duabaga sonneratioides</i>	X	X
70	Phơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	X	X
71	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i>	X	X

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
72	Ràng ràng mít	<i>Ormosia balansae</i>	X	X
73	Re gừng	<i>Cinnamomum bejolghota</i>	X	X
74	Re hương	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	X	X
75	Sa mộc	<i>Cunninghamia lanceolata</i>	X	X
76	Sâng	<i>Amesiodendron chinensis</i>	X	X
77	Sang máu	<i>Horsfieldia amygdalina</i>		X
78	Sảng nhung	<i>Sterculia lanceolata</i>	X	X
79	Sanh	<i>Ficus benjamina</i>	X	
80	Sao đen	<i>Hopea odorata Roxb</i>	X	X
81	Sầu	<i>Dracontomelum duperreanum</i>	X	X
82	Sau sau	<i>Liquidambar formosana</i>	X	
83	Sén mật	<i>Madhuca pasquieri</i>	X	X
84	Si	<i>Ficus retusa var. nitida</i>	X	
85	Sòi phẳng	<i>Castanopsis cerebrina</i>	X	X
86	Sòi tía	<i>Sapium discolor</i>	X	
87	Sòi xanh	<i>Lithocarpus pseudosundaicus</i>	X	X
88	Son tra	<i>Docynia indica</i>	X	X
89	Sura	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	X	X
90	Sữa	<i>Alstonia scholaris</i>	X	
91	Sung	<i>Ficus racemosa</i>		X
92	Táu mật	<i>Vatica tonkinensis</i>	X	X
93	Táu muối	<i>Vatica odorata</i>	X	X
94	Téch	<i>Tectona grandis</i>		X
95	Thàn mát	<i>Millettia ichthyotona</i>		X
96	Thiết sam giả lá ngắn	<i>Pseudotsuga brevifolia</i>	X	X
97	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i>	X	X
98	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i>	X	X
99	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i>	X	X
100	Thông tre lá ngắn	<i>Podocarpus pilgeri</i>	X	X
101	Thừng mực lông	<i>Wrightia pubescens</i>	X	X
102	Tông dù	<i>Toona sinensis</i>		X
103	Tổng quá sủ	<i>Alnus nepalensis</i>	X	X
104	Trai lý	<i>Garcinia fagraeoides</i>	X	X
105	Trám chim	<i>Canarium tonkinense</i>	X	X
106	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i>	X	X
107	Trám trắng	<i>Canarium album</i>	X	X
108	Trầu	<i>Vernicia motana</i>		X
109	Vàng anh	<i>Sacara dives</i>	X	
110	Vàng tâm	<i>Manglietia dandyi</i>	X	X

TT	Loài cây		Mục đích	
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
111	Vạng trứng	<i>Endospermum chinense</i>	X	X
112	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i>	X	X
113	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i>		X
114	Xoan đào	<i>Pygeum arboreum</i>		X
115	Xoan mộc	<i>Toona sureni</i>		X
116	Xoan nhừ	<i>Choerospondias axillaris</i>		X
117	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i>		X

II. CÂY PHI MỤC ĐÍCH

TT	Loài cây		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
I	Nhóm thực vật thân gỗ		
1	Ba bét lông	<i>Mallotus barbatus</i>	
2	Ba soi	<i>Macaranga denticulata</i>	
3	Bọ net	<i>Alchornea rugosa</i>	
4	Coi	<i>Pterocarya tonkinensis</i>	
5	Đu đủ rừng	<i>Trevesia cavaleriei</i>	
6	Hu đay	<i>Trema orientalis</i>	
7	Muối	<i>Rhus chinensis</i>	
8	Ngái	<i>Ficus hispida</i>	
9	Sim	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i>	
10	Sở xoan	<i>Dillenia ovata</i>	
11	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon palyanthum</i>	
12	Vả	<i>Ficus auriculata</i>	
II	Nhóm dây leo cạnh tranh		Bao gồm các loài dây leo thân gỗ, thân thảo mọc tự nhiên trong rừng, có khả năng sinh trưởng nhanh, cạnh tranh mạnh về ánh sáng và dinh dưỡng, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây mục đích.